

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2013-2020

CHỦ ĐẦU TƯ:
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ninh Bình, 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH
NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2013-2020**

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Vũ Nam Tiến

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM QUANG DƯƠNG

Ninh Bình, 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC HÌNH	iii
I. TÍNH CẤP THIẾT	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ	3
III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	5
3.1. Mục tiêu.....	5
3.1.1. Mục tiêu chung.....	5
3.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
3.2. Yêu cầu.....	5
3.3. Phạm vi thực hiện.....	6
3.4. Nội dung thực hiện.....	7
3.5. Phương pháp luận.....	7
3.5.1. Tiếp cận hệ thống.....	7
3.5.2. Tiếp cận đa ngành và liên ngành.....	7
3.5.3. Tiếp cận phát triển bền vững.....	8
3.5.4. Tiếp cận có sự tham gia.....	9
3.6. Phương pháp thực hiện.....	10
3.6.1. Kế thừa các tài liệu, bản đồ.....	11
3.6.2. Xây dựng bản đồ dự kiến vùng điều chỉnh.....	12
3.6.3. Điều tra bổ sung thực địa.....	13
3.6.4. Tham vấn chuyên gia, các cấp quản lý.....	13
3.6.5. Ứng dụng công nghệ, thiết bị.....	14
IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	15
4.1. Đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.....	15
4.1.1. Diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013.....	15
4.1.2. Kết quả thực hiện trong kỳ quy hoạch.....	15
4.1.3. Kết quả thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng trong kỳ quy hoạch.....	20
4.1.4. Kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2022.....	21
4.2. Các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.....	22
4.2.1. Huyện Gia Viễn.....	22
4.2.2. Huyện Nho Quan.....	22

4.2.3. Thành phố Tam Điệp	23
4.2.4. Huyện Yên Mô.....	23
4.2.5. Huyện Kim Sơn.....	24
4.3. Đề xuất điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020.....	24
4.3.1. Điều chỉnh giảm để thực hiện các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng.....	24
4.4.2. Điều chỉnh diện tích Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng.....	24
4.5. Giải pháp quản lý sử dụng đối với diện tích rừng sau điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020.....	26
4.6. Tổ chức thực hiện.....	27
4.6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.....	27
4.6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư	27
4.6.3. Sở Tài nguyên và Môi trường.....	27
4.6.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	28
I. KẾT LUẬN.....	29
II. KIẾN NGHỊ.....	29
Phụ lục 1	31
Căn cứ pháp lý các dự án đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng trong giai đoạn 2014 đến nay	31
Vị trí ảnh hưởng đến rừng và đất lâm nghiệp các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	37
Căn cứ pháp lý các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.....	44

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kết quả thống kê diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013 - 2020 phân theo đơn vị hành chính tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013	15
Bảng 2: Kết quả sau điều chỉnh giảm để thực hiện 08 dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng.....	24
Bảng 3: Kết quả sau điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020.....	26

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ tổng thể quá trình thực hiện gói thầu.....	10
Hình 2: Dữ liệu bản đồ thu thập.....	12
Hình 3: Khảo sát, xác minh hiện trạng rừng tại thực địa.....	13
Hình 4: Tham vấn các cán bộ chuyên môn, quản lý.....	14

I. TÍNH CẤP THIẾT

Đất đai là tài nguyên hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, đất là điều kiện vật chất cần thiết để tồn tại và tái sản xuất các thế hệ tiếp nhau của loài người. Vì vậy trong sử dụng đất, thế hệ hiện tại phải có trách nhiệm duy trì và cải thiện chất lượng đất tốt hơn cho giai đoạn tiếp theo. Để thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp giai đoạn 2013 – 2020, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013 – 2020. Cụ thể, hiện trạng năm 2012 là 28.639 ha rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp, trong đó rừng đặc dụng là 16.500 ha, rừng phòng hộ là 9.026 ha và rừng sản xuất là 3.113 ha; quy hoạch đến năm 2020 là 28.373 ha rừng và đất chưa có rừng quy hoạch lâm nghiệp, trong đó rừng đặc dụng là 16.500 ha, rừng phòng hộ là 8.760 ha và rừng sản xuất là 3.113 ha. Hiện tại, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013 – 2020 đã kết thúc được hơn 2 năm.

Theo Điều 41a, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp thì tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia chưa được Chính phủ phê duyệt nên gặp khó khăn vướng mắc trong việc hoàn thiện thủ tục pháp lý. Để tháo gỡ vấn đề này, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ đã cho phép tiếp tục thực hiện, kéo dài thời kỳ và điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. Văn bản số 8534/BNN-TCLN ngày 20/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh theo Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/11/2022: “2. Trong trường

hợp cần thiết thì điều chỉnh nội dung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho từng tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022.”

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có nhiều dự án được quy hoạch có vị trí thuộc diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang thực hiện các thủ tục xin quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định. Đây là những dự án cấp thiết, trọng điểm khi triển khai sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, an ninh quốc phòng. Bên cạnh đó góp phần hoàn thiện mạng lưới cơ sở hạ tầng về giao thông trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án kịp tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu đối với lĩnh vực lâm nghiệp thì việc Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 được xác định là nhiệm vụ cấp thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về việc Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất

lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/3/2022 Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025;

- Quyết định 1662/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Văn bản số 6813/BNN-TCLN ngày 11/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022;

- Văn bản số 8534/BNN-TCLN ngày 20/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh theo Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/11/2022;

- Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng, tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020;

- Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt Phương án quản lý bền vững rừng đặc dụng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030;

- Văn bản số 51/KL-QLBVR ngày 25/2/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Ninh Bình về việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thời kỳ đến năm 2020.

III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Mục tiêu

3.1.1. Mục tiêu chung

Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 để đảm bảo sự phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, tính liên kết, đồng bộ với các quy hoạch có liên quan đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 để đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch chung xây dựng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; các dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; các dự án đang được tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, các công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng rừng trước khi quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Điều chỉnh đất rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng ra khỏi Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng chính phủ, phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; đề xuất tích hợp Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

3.2. Yêu cầu

Thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản số 8534/BNN-TCLN ngày 20/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh theo Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/11/2022. Nội dung đề nghị các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

“2. Trong trường hợp cần thiết thì điều chỉnh nội dung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số

giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho từng tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022. Khi điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng cần chú ý một số nội dung, sau:

a) Tên quy hoạch được điều chỉnh: “Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng” hoặc “Quy hoạch 3 loại rừng” của tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2019).

b) Căn cứ điều chỉnh

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Nghị định số 23/2006/NĐ CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản có liên quan.

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

c) Nội dung điều chỉnh Đối với các Dự án/Công trình có chuyển mục đích sử dụng rừng (rừng tự nhiên và rừng trồng), đề nghị xác định rõ diện tích, vị trí, loại rừng chuyển mục đích sử dụng rừng (bằng biểu số liệu và trên bản đồ) trong nội dung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc Quy hoạch 3 loại rừng (*Theo mẫu tại Phụ lục kèm theo*).

d) Trình tự, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.”

3.3. Phạm vi thực hiện

- Phạm vi rà soát gồm diện tích thuộc quy hoạch ba loại rừng tỉnh Ninh Bình và diện tích đất ngoài quy hoạch Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng thực hiện: Kế thừa các tài liệu, bản đồ liên quan xây dựng bản đồ dự kiến vùng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3.4. Nội dung thực hiện

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng đặc dụng: Điều chỉnh diện tích rừng đặc dụng hiện có đảm bảo phù hợp với các quy hoạch liên quan.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ: Điều chỉnh diện tích rừng phòng hộ chuyển ra ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội và diện tích rừng đảm bảo tiêu chí rừng phòng hộ được bổ sung từ diện tích ngoài quy hoạch.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng sản xuất: Điều chỉnh diện tích quy hoạch rừng sản xuất chuyển ra ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng để thực hiện các dự án đầu tư và phát triển kinh tế xã hội.

- Tổng hợp kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng:

+ Kết quả thực hiện quy hoạch đất lâm nghiệp kỳ trước.

+ Chu chuyển, điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp theo chức năng rừng.

+ Quy hoạch điều chỉnh đất lâm nghiệp theo đơn vị hành chính.

+ Diện tích Quy hoạch đất lâm nghiệp theo chủ quản lý.

- Tổng hợp chi tiết các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Xây dựng báo cáo kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

3.5. Phương pháp luận

3.5.1. Tiếp cận hệ thống

Mục tiêu của tiếp cận hệ thống nhằm đưa ra được bức tranh tổng thể về tình hình thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013-2020 (Quy hoạch 2013-2020), từ đó phân tích, đánh giá, so sánh với kết quả theo dõi cập nhật diễn biến rừng năm 2022 để xây dựng nền bản đồ điều chỉnh Quy hoạch 2013-2020.

Tiếp cận hệ thống cũng hướng tới tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch 2013-2020 theo từng giai đoạn khác nhau. Từ việc phân tích đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch 2013-2020, nhà thầu sẽ đề xuất các giải pháp điều chỉnh Quy hoạch 2013-2020 phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.5.2. Tiếp cận đa ngành và liên ngành

Quy hoạch 2013-2020 có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó việc đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch 2013-2020 cũng như việc

điều chỉnh cần phải dựa vào sự thống nhất của nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm cả nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội. Vì vậy, đơn vị tư vấn chọn cách tiếp cận đa ngành và liên ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này. Cách tiếp cận này sẽ đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong việc đánh giá đúng và điều chỉnh đúng, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc điều chỉnh Quy hoạch 2013-2020 đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm thực tiễn với lý thuyết cơ bản về các lĩnh vực liên quan (đa ngành) và áp dụng có chọn lọc các kinh nghiệm của các địa phương khác vào thực tiễn ở tỉnh Ninh Bình. Các giải pháp điều chỉnh được đề xuất phải đảm bảo tính hiệu quả và khả thi khi áp dụng vào thực tế, đảm bảo sự linh hoạt, tính mở trong việc áp dụng các giải pháp điều chỉnh quy hoạch từ đó góp phần quản lý, sử dụng, phát triển rừng bền vững.

Với cách tiếp cận này, việc xác định các giải pháp trên cơ sở kết quả làm việc với các bên liên quan và khảo sát thực tế sẽ hạn chế những bất cập, tồn tại đồng thời đảm bảo tính hợp lý quy hoạch sau điều chỉnh.

3.5.3. Tiếp cận phát triển bền vững

Mục đích của việc tiếp cận này là đảm bảo sự hài hòa giữa các lợi ích về kinh tế - xã hội với môi trường mà cụ thể là phát triển sản xuất lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình một cách bền vững và hiệu quả.

Về mặt kinh tế, việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 tạo điều kiện để thực hiện các dự án mục tiêu trọng điểm phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật lâm nghiệp.

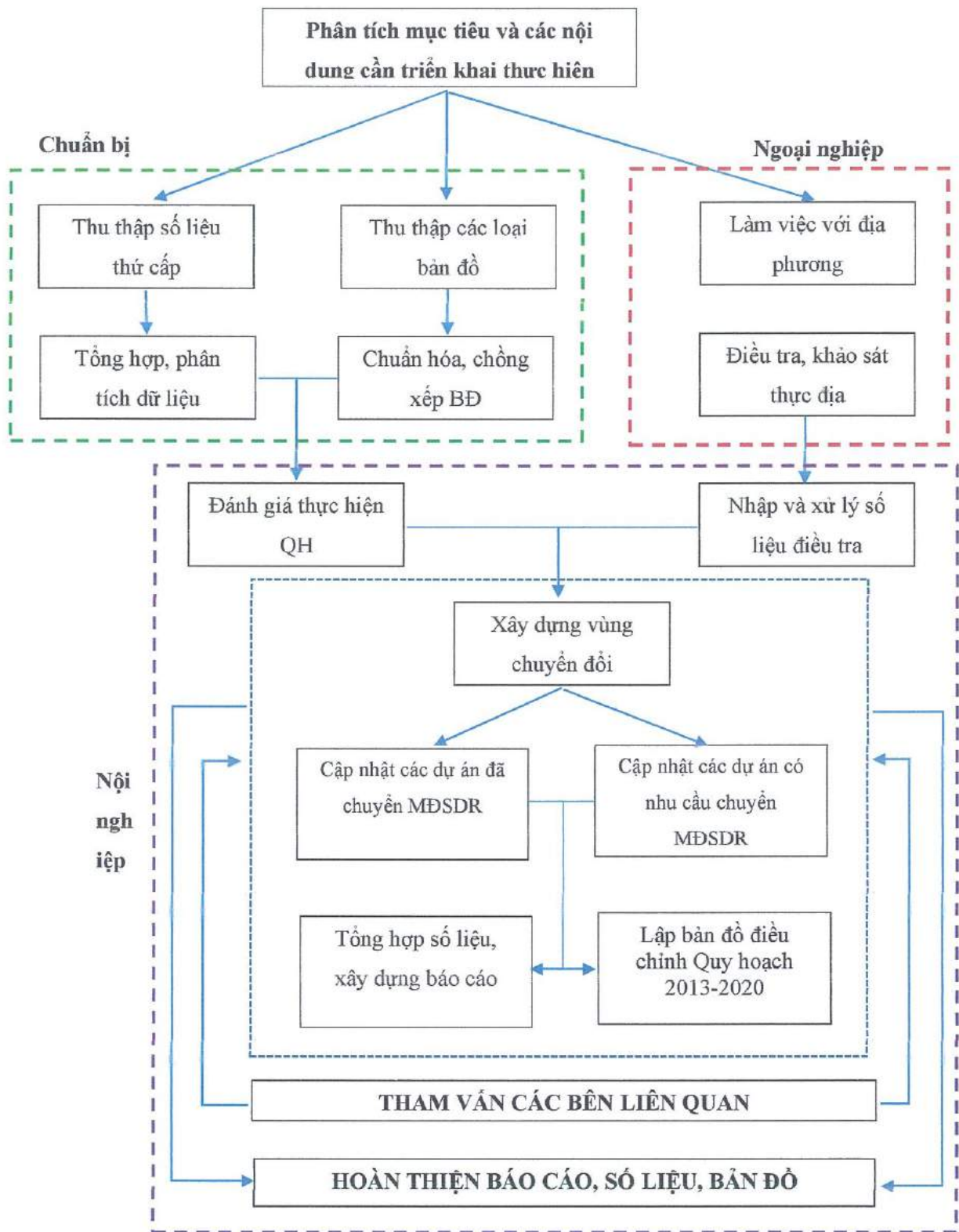
Về mặt xã hội, sự bền vững về xã hội liên quan đến các quyền lợi của các nhà đầu tư, chủ rừng, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khác. Quyền lợi ở đây bao gồm các quyền lợi trực tiếp khi triển khai các dự án đầu tư, quyền sử dụng, các phúc lợi xã hội khác và các lợi ích khác của việc triển khai các dự án đầu tư.

Về mặt môi trường, việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020, ngoài việc đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội bên cạnh đó cần đảm bảo vấn đề môi trường, duy trì độ che phủ rừng, tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất cho phát triển các loại rừng, đảm bảo chức năng phòng hộ và bảo tồn đa dạng sinh học.

3.5.4. Tiếp cận có sự tham gia

Tiếp cận có sự tham gia trong nhiệm vụ này được thể hiện trong các cuộc làm việc trực tiếp tại địa phương, các cán bộ kiểm lâm viên ở cơ sở, cán bộ xã và chủ rừng sẽ là nòng cốt tham gia vào quá trình đánh giá.

Theo cách tiếp cận này, trong quá trình rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020, nhóm chuyên gia đã phối hợp làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn trong việc thu thập số liệu, điều tra, khảo sát hiện trường, tranh thủ sự hiểu biết của các cán bộ địa phương về hiện trạng rừng trồng. Sự phối hợp này sẽ cho phép thu thập được các số liệu, thông tin có liên quan một cách chính xác để giải quyết tổng hợp các vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện gói thầu. Sơ đồ quá trình thực hiện kế hoạch được thể hiện như sau:



Hình 1: Sơ đồ tổng thể quá trình thực hiện gói thầu

3.6. Phương pháp thực hiện

Phương pháp rà soát Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng là kết thừa, thống kê, tổng hợp; kết hợp điều tra đối chiếu thực tế tại hiện trường và rà soát bổ sung

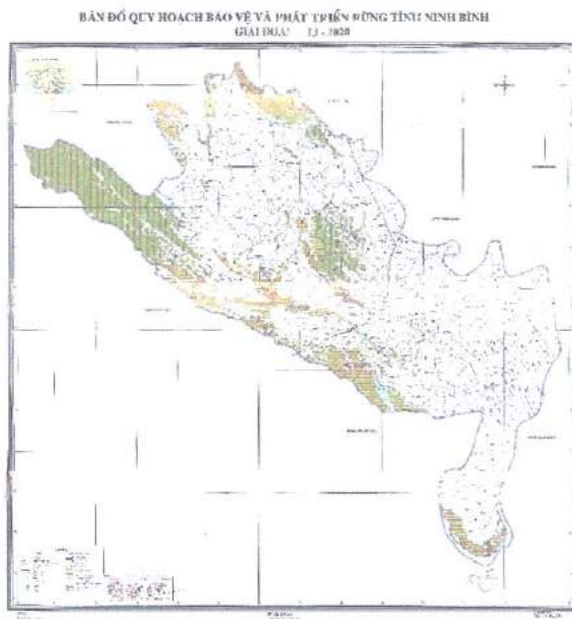
các loại đất, loại rừng; tổ chức hội nghị triển khai, tham vấn chuyên gia, nhà quản lý và các cấp chính quyền địa phương, cụ thể:

3.6.1. Kế thừa các tài liệu, bản đồ

Sử dụng các tài liệu về hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, kiểm kê rừng có độ chính xác cao gồm:

- Bản đồ Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013-2020;
- Bản đồ ranh giới các công trình, dự án có sử dụng đất rừng;
- Bản đồ, số liệu của kết quả kiểm kê rừng tỉnh Ninh Bình năm 2015 và kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2022;
- Bản đồ, kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và số liệu thống kê đất đai năm 2020 của ngành Tài nguyên và Môi trường;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030;

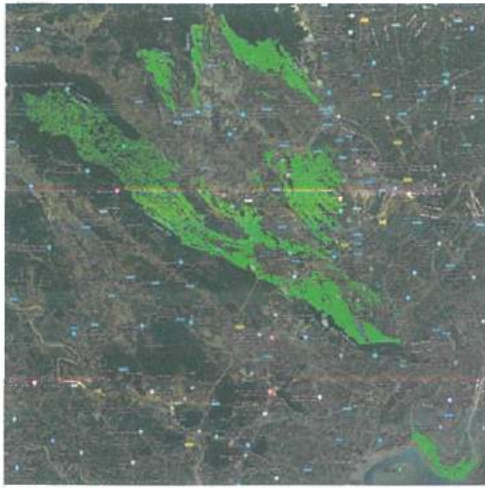
Ngoài ra còn kế thừa và sử dụng các quy hoạch, tài liệu của các ngành liên quan để áp dụng cho việc rà soát hiện trạng và dự kiến khu vực chuyển đổi ba loại rừng.



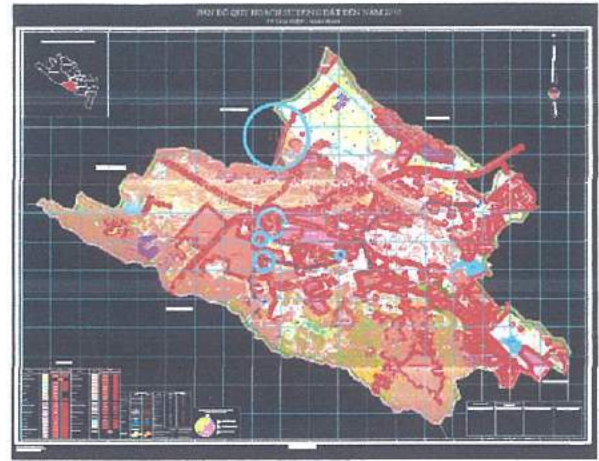
Bản đồ Quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2013-2020



Bản đồ ranh giới các công trình, dự án có sử dụng đất rừng



Bản đồ kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2022



Bản đồ quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030 và bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Hình 2: Dữ liệu bản đồ thu thập

3.6.2. Xây dựng bản đồ dự kiến vùng điều chỉnh

Phương pháp xây dựng bản đồ dự kiến vùng chuyển đổi trong phòng và số liệu là sử dụng ma trận chồng xếp lớp bản đồ thành phần dạng GIS để xác định các khu vực dự kiến điều chỉnh.

Bản đồ dự kiến vùng điều chỉnh xây dựng từ các lớp thông tin sau: Lớp bản đồ hiện trạng kiểm kê rừng (đã cập nhật lại các lô trạng thái theo hiện trạng rừng mới nhất).

Bổ sung, sàng lọc các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đã được phê duyệt nhằm loại bỏ các diện tích đã được quy hoạch vào mục đích ngoài lâm nghiệp, giúp tránh sự chồng chéo, tạo sự thống nhất trong quy hoạch.

Sau khi chồng xếp các lớp bản đồ để phân tích không gian theo mô hình GIS về các tiêu chí nêu trên sẽ lựa chọn cho ra lớp bản đồ các lô dự kiến chuyển đổi đáp ứng được 6 tiêu chí nêu trên (tiêu chí lý thuyết) nên khu vực dự kiến chuyển đổi còn manh mún, chưa liền vùng, liền khoảnh.

Sử dụng kiến thức chuyên gia để loại bỏ những lô manh mún đan xen trong các khu phòng hộ hoặc không đạt các tiêu chí để xây dựng lớp bản đồ định hướng khu vực dự kiến chuyển đổi trong phòng.

Biên tập và in bản đồ dự kiến vùng chuyển đổi cấp xã tỷ lệ 1/10.000 để rà soát thực địa.

Bản đồ mang đi rà soát thực địa (nêu trên) là bản đồ trong phòng, chỉ mang tính chất định hướng, vì các thông tin về trạng thái trong phòng có thể chưa chính



Hình 4: Tham vấn các cán bộ chuyên môn, quản lý

3.6.5. Ứng dụng công nghệ, thiết bị

Dữ liệu bản đồ được đánh giá thông qua phân tích không gian sử dụng các phần mềm GIS hỗ trợ như MapInfo, QGIS.

Sử dụng công nghệ Mobile GIS sử dụng lưu ảnh hiện trường, ghi chép dữ liệu đo đạc hiện trường và kết xuất vào máy tính có sử dụng các phần mềm GIS chuyên nghiệp sẽ được sử dụng cho quá trình khảo sát, đánh giá hiện trường và trong quá trình xây dựng quy hoạch.

Máy định vị toàn cầu cầm tay (GPS) cũng được sử dụng trong quá trình khảo sát thực địa cũng như công tác xây dựng bản đồ.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

4.1. Đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

4.1.1. Diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013

Căn cứ Đề án Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020, quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đến năm 2020 của tỉnh Ninh Bình theo chức năng có tổng diện tích đất lâm nghiệp là 28.373 ha, cụ thể:

Bảng 1: Kết quả thống kê diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013 - 2020 phân theo đơn vị hành chính tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013

Đơn vị: ha.

TT	Huyện	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
1	Nho Quan	16.960	11.350	3.051	2.559
2	Gia Viễn	3.165	2.134	798	233
3	Hoa Lư	2.955	2.937	-	18
4	Yên Mô	1.682	-	1.671	11
5	TX. Tam Điệp	2.324	-	2.032	292
6	Kim Sơn	1.208	-	1.208	-
7	TP. Ninh Bình	79	79	-	-
Diện tích đất lâm nghiệp		28.373	16.500	8.760	3.113

Từ năm 2015, thành phố Tam Điệp được thành lập theo Nghị quyết số 904/NQ-UBTVQH13 ngày 10/4/2015 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường Yên Bình thuộc thị xã Tam Điệp và thành lập thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

4.1.2. Kết quả thực hiện trong kỳ quy hoạch

4.1.2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: việc quản lý, bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên rừng theo quy hoạch đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế lũ lụt vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô. Độ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt 19,6% vượt 0,1% so với kế hoạch 19,5% đến năm 2020.

- Công tác giao đất, giao rừng và khoán bảo vệ rừng
+ Đến nay, diện tích chưa giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân là 6.551,55 ha, diện tích này đang do UBND xã quản lý.

+ Thực hiện giao khoán 81.966,5 lượt/ha, bình quân mỗi năm giao khoán 11.709,5 ha/năm, rừng được bảo vệ, phát triển bền vững.

- Công tác phát triển rừng

+ Trồng rừng tập trung được 2.945,4 ha, bình quân mỗi năm trồng 420 ha/năm, trong đó trồng rừng sản, xuất phòng hộ, đặc dụng 2.765,4 ha; trồng rừng thay thế giai đoạn 2017-2019: 180 ha rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng.

+ Trồng cây phân tán: giai đoạn 2013-2020 số cây phân tán đã trồng được 6,2 triệu cây các loại, bình quân năm trồng trên 886.000 cây. Cây phân tán trồng chủ yếu ven đường giao thông, kênh mương, công sở, trường học, bệnh viện, công viên, vườn hộ gia đình...

- Công tác phát triển giống cây trồng rừng: Trong giai đoạn 2013-2020, đã có 02 vườn giống cây Lâm nghiệp được Sở Nông nghiệp và PTNT công nhận vào năm 2017 tại huyện Kim Sơn, trong đó có 01 vườn giống cây Trang diện tích 25 ha và 01 vườn giống cây Bần chua diện tích 15 ha. Xây dựng và triển khai mô hình, dự án nâng cao chất lượng, năng suất giống cây Lâm nghiệp như: Khôi phục và phát triển giống cây bản địa Bùi Kỳ Lão trên địa bàn huyện Nho Quan; Hỗ trợ xây dựng vườn ươm ven biển huyện Kim Sơn nhằm cung cấp đủ cây giống trồng rừng ven biển trên địa bàn...

- Về khai thác, chế biến lâm sản

+ Khai thác, chế biến gỗ: Hàng năm khai thác trung bình 27.000 m³/năm gỗ các loại từ rừng trồng và cây phân tán. Sản phẩm chủ yếu là gỗ dăm giấy, gỗ xây dựng. Trên địa bàn tỉnh có 147 cơ sở chế biến gỗ, chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân. Tổng lượng gỗ tiêu thụ phục vụ cho tiêu dùng và chế biến xuất khẩu bình quân hàng năm 12.000 m³. Lượng gỗ còn thiếu để chế biến đồ mộc cao cấp chủ yếu nhập từ tỉnh ngoài và các nước trong khu vực.

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ: Diện tích khai thác nhựa Thông chủ yếu tập trung ở các huyện có diện tích trồng Thông như thành phố Tam Điệp và huyện Nho Quan. Sản lượng khai thác bình quân hàng năm (giai đoạn từ năm 2013-2017) đạt 140 tấn/năm. Từ năm 2017 đến nay, qua kiểm tra phát hiện dấu hiệu cây Thông sinh trưởng kém do khai thác nhựa trong thời gian dài nên để đảm bảo giữ toàn bộ diện tích rừng Thông phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh, việc khai thác nhựa Thông đã tạm dừng lại. Ngoài ra nhân dân trên địa bàn tỉnh tận dụng đất trồng

trồng tre, luồng, mây, nuôi ong mật... Tuy khối lượng không lớn nhưng cũng tạo việc làm cho hàng ngàn lao động.

4.1.2.2. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch

* Theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 01/07/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2015 -2020, danh mục các dự án, đề án ưu tiên đầu tư và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình
- Dự án Quy hoạch rừng đặc dụng thuộc 02 huyện Gia Viễn và Hoa Lư.
- Dự án kiểm kê rừng trong tỉnh.
- Xây dựng mô hình trồng cây phân tán trên địa bàn toàn tỉnh.
- Dự án giao đất lâm nghiệp gắn với giao rừng trên địa bàn tỉnh.
- Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Dự án đóng mốc giới 3 loại rừng toàn tỉnh.

* Theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2018-2020, danh mục các dự án, đề án ưu tiên đầu tư và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Hỗ trợ thôn vùng đệm rừng đặc dụng.
- Xây dựng hạt Kiểm lâm liên huyện Hoa Lư - Gia Viễn.
- Hỗ trợ công tác PCCCR; tập huấn nâng cao năng lực cho kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng; tuần tra truy quét, ngăn chặn vi phạm phá rừng và xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản giai đoạn 2019-2020.

- Dự án xác định ranh giới và cắm mốc bảng cho các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ tỉnh Ninh bình giai đoạn 2018-2020.

- Đề án cho thuê dịch vụ môi trường rừng tỉnh Ninh Bình.
- Dự án giao đất, giao rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020.
- Xây dựng Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại Ninh Bình giai đoạn 2019-2020.

* Theo Văn bản số 268/UBND-VP3 ngày 06/08/2019 về việc sửa đổi Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình, danh mục các dự án, đề án ưu tiên đầu tư và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Xây dựng Đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng đặc dụng.
- Dự án lập phương án quản lý rừng bền vững các khu rừng phòng hộ.

- Dự án xây dựng biển báo hiệu dự báo cấp cháy rừng và tuyên truyền PCCC.

- Xây dựng phần mềm phát hiện sớm mất rừng, cháy rừng từ ảnh vệ tinh theo thời gian thực.

4.1.2.3. Đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên rừng trong quá trình thực hiện quy hoạch

a) Tình hình sử dụng đất; hiệu quả sử dụng đất so với kỳ quy hoạch trước và so với mục tiêu quy hoạch; các giải pháp tiết kiệm đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đã áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch:

- Tình hình sử dụng đất lâm nghiệp: Việc sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy hoạch của tỉnh đã được duyệt tại Quyết định số 2710/QĐ/UBND ngày 26/11/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh. Đồng thời triển khai thực hiện Quyết định số 760/QĐ/UBND ngày 14/10/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013-2020. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn một số diện tích đất lâm nghiệp chưa được sử dụng đúng theo quy hoạch của tỉnh do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Chưa có giải pháp triệt để cải tạo rừng trồng phòng hộ đối với các loài cây trồng phù trợ như keo, nhãn... cho tác dụng phòng hộ kém về mặt môi trường cũng như giá trị lâm sản. Đối với loại rừng trồng sản xuất chưa phát huy được vai trò chủ đạo về kinh tế do diện tích nhỏ, manh mún, đối tượng cây trồng thuộc nhóm cây gỗ nhỏ, nhỏ mau lớn nên giá trị sản xuất lâm nghiệp trên 1 ha so với các loại cây trồng gỗ lớn còn thấp.

- Việc chồng lấn đất lâm nghiệp lên các loại đất khác như đất 313, đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm.... Nguyên nhân là do quá trình rà soát quy hoạch giữa đất lâm nghiệp với các loại đất khác của 02 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương cấp xã, huyện chưa thống nhất qua các giai đoạn chuyển tiếp và sai sót trong quá trình đo đạc, biên tập, số hóa bản đồ của các ngành; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất thiếu tính đồng bộ; văn bản quy định về thống kê, theo dõi hiện trạng rừng chưa đồng bộ thống nhất cùng với thống kê, kiểm kê đất đai về thời điểm và tiêu chí xác định loại đất. Những vấn đề trên hiện tại đang là vấn đề tồn tại chưa có giải pháp khắc phục triệt để, ảnh hưởng không nhỏ đến khâu quản lý rừng hiện nay. Song để đánh giá tổng thể thì đối tượng rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất hiện

nay cũng phần nào đã đóng góp tích cực về bảo vệ môi trường, giải quyết tình trạng thiếu việc làm của người dân sống gần rừng và bằng nghề rừng hiện nay như hỗ trợ tiền công nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ; sản phẩm gỗ từ rừng trồng sản xuất phần nào tăng mức thu nhập của hộ nhận đất, nhận trồng rừng. Việc thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo chuỗi giá trị vẫn còn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, kỹ thuật thâm canh rừng, công nghệ chế biến, phương thức chuyển đổi giống cây trồng....

b) Tình hình sử dụng tài nguyên rừng, hiệu quả sử dụng so với kỳ quy hoạch trước và so với mục tiêu quy hoạch, các giải pháp tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đã áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch

Hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng so với kỳ quy hoạch trước được đánh giá là đã mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường. Xong chưa phải đã khai thác hết tiềm năng về rừng như mong muốn: Phần lớn diện tích rừng tự nhiên được giao, giao khoán theo kế hoạch đến tận tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để trông coi bảo vệ và phát triển rừng, không còn tình trạng lên rừng đốt củi lấy than, hạn chế được nhiều các hoạt động khai thác, săn bắn động, thực vật trên rừng góp phần bảo vệ rừng và duy trì tính đa dạng sinh học của rừng. Tuy nhiên so với mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đề ra thì vẫn còn một số tồn tại hạn chế chưa thực hiện được như: Việc trồng bổ sung cây bản địa trên diện tích rừng trồng phòng hộ hiện có, chưa thực hiện toàn diện, đầy đủ được chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định nên chưa khuyến khích được người dân tích cực, chủ động tham gia trông và phát triển rừng, bảo vệ rừng.

c) Các giải pháp về kỹ thuật và quản lý đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường do sử dụng đất lâm nghiệp và tài nguyên rừng trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường các giải pháp tuyên truyền về bảo vệ rừng dưới nhiều hình thức để nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về bảo vệ rừng là bảo vệ chính môi trường sống của con người; đồng thời là giải pháp hữu hiệu nhất, góp phần làm giảm các yếu tố gây biến đổi khí hậu hiện nay.

- Duy trì việc quản lý và bảo vệ diện tích rừng hiện có và tích cực phát triển diện tích rừng trồng mới, trồng cây phân tán....để nâng độ che phủ của rừng.

- Quy hoạch ổn định đối với 03 loại rừng; rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất, có cơ chế đầu tư để thực hiện mục tiêu khép kín chuỗi giá trị về chế biến lâm sản tại chỗ, nâng cao giá trị cung ứng từ rừng phục vụ cho đời sống và chế biến xuất khẩu từ lâm sản.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh tổng thể rừng và đất rừng để có giải pháp khắc phục tồn tại hiện nay về quy hoạch chồng lấn các loại đất như đất 313; đất trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, đất trồng cây lâu năm, đất khác...

4.1.3. Kết quả thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng trong kỳ quy hoạch

Trong giai đoạn từ sau khi ban hành Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất rừng 14 dự án có ảnh hưởng đến diện tích có nguồn gốc đất lâm nghiệp với tổng diện tích 199,05 ha trên địa bàn các huyện Gia Viễn, Kim Sơn, Nho Quan và thành phố Tam Điệp, phần lớn diện tích đất lâm nghiệp thu hồi, chuyển mục đích sử dụng thuộc diện tích đất lâm nghiệp chuyển đổi mục đích (đất ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng).

4.1.3.1. Huyện Gia Viễn

Tổng số 03 dự án, diện tích rà soát 15,74 ha, cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Đầu tư khai thác mỏ đá vôi khu vực núi Sẻ Chè, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn - Công ty TNHH Một thành viên khoáng sản Vôi Việt.

- Dự án Đường dây điện 220kV Nho Quan - Thanh Nghị - Ban quản lý các công trình điện Miền Bắc.

- Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét Gia Hòa, huyện Gia Viễn của Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình - Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình.

4.1.3.2. Huyện Kim Sơn

Tổng số 02 dự án, diện tích rà soát 25,94 ha, cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Đầu tư xây dựng đường ra trạm kiểm soát biên phòng Cồn Nổi, huyện Kim Sơn - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình.

- Dự án Xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Bình.

4.1.3.3. Huyện Nho Quan

Tổng số 04 dự án, diện tích rà soát 53,44 ha, cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Đầu tư xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình - Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã nước Việt.

- Dự án Mỏ đá sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Quảng Lạc, huyện Nho Quan - Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình.

- Dự án Đầu tư xây dựng trang trại sản xuất nông nghiệp Hữu cơ Thành

Nam - Công ty TNHH Thành Nam NQ.

- Dự án Đầu tư xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình - Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã nước Việt.

4.1.3.4. Thành phố Tam Điệp

Tổng số 05 dự án, diện tích rà soát 103,93 ha, cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Đầu tư công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Duyên Hà, phường Tân Bình và xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp - Công ty TNHH Duyên Hà.

- Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất tại đồi Ba Mào, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp - Công ty TNHH Xuân Tụy.

- Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến đá hỗn hợp làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực núi Voi Trong, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp và Khu vực đồi Ngang, núi Béo, xã Yên Đồng, huyện Yên Mô - Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường.

- Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp (2022) - UBND thành phố Tam.

- Dự án đầu tư khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp tại mỏ đá Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp - Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất.

(Chi tiết trong Phụ lục 1).

4.1.4. Kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2022

Theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2022, tổng diện tích rừng và đất chưa thành rừng là 30.484 ha, trong đó rừng phòng hộ 9.866,11 ha, rừng đặc dụng 16.637,65 ha và rừng sản xuất 3.980,24 ha. So với diện tích đất lâm nghiệp Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 15/10/2013, diện tích theo kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2022 cao hơn 2.111 ha, trong đó rừng phòng hộ 1.106,11 ha, rừng đặc dụng 137,65 ha và rừng sản xuất 867,24 ha. Nguyên nhân của sự chênh lệch như sau:

- Trong quá trình xây dựng Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013-2020, một số diện tích rừng phòng hộ, sản xuất được quy hoạch đất lâm nghiệp chuyển đổi nhằm thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, ngoài các dự án đã thực hiện chuyển đổi, phần lớn còn lại hiện trạng vẫn đang có rừng hoặc đất chưa có rừng nhưng chưa có quyết định

thu hồi, chuyên mục đích sử dụng nên trong quá trình kiểm kê rừng (năm 2015) và quá trình theo dõi, cập nhật diễn biến rừng từ sau kiểm kê rừng đến nay vẫn đang thống kê vào rừng phòng hộ, sản xuất; một số diện tích đã có quyết định thu hồi nhưng hiện trạng có rừng vẫn theo dõi diễn biến rừng để tính độ che phủ rừng thực tế, diện tích này sẽ cắt khi chủ đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ.

- Tại thời điểm xây dựng bản đồ Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020, toàn bộ diện tích đất ngập nước thuộc Ban quản lý rừng đặc dụng Hoa Lư – Vân Long (Theo Quyết định số 2538/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thu hồi đất, giao đất cho BQL Rừng đặc dụng Hoa Lư – Vân Long tại huyện Gia Viễn) trong đó một phần diện tích đã hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng nhưng chưa đưa vào quy hoạch. Tuy nhiên, hiện nay diện tích đất ngập nước này đang được Ban quản lý rừng đặc dụng Hoa Lư – Vân Long quản lý; do đó, trong quá trình theo dõi cập nhật diễn biến rừng Hạt Kiểm lâm liên huyện Hoa Lư - Gia Viễn đã cập nhật vào diện tích rừng đặc dụng trên địa bàn huyện Gia Viễn từ năm 2022.

- Ngoài ra, còn một phần diện tích có rừng nhưng thuộc đất quốc phòng, an ninh vẫn được cơ quan kiểm lâm quản lý về chuyên môn như phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hằng năm...

4.2. Các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Qua kết quả làm việc với các sở ngành và địa phương, xác định trong năm 2023, 2024 có 08 dự án đầu tư công, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với tổng diện tích 65,62 ha, trong đó đất rừng đặc dụng 01 ha, đất rừng phòng hộ 16,45 ha và đất rừng sản xuất 48,17 ha trên địa bàn các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô, Kim Sơn và thành phố Tam Điệp. Cụ thể như sau:

4.2.1. Huyện Gia Viễn

Dự án Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình - Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông có ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp là 1,5 ha trong đó: đất rừng đặc dụng 1,0 ha và 0,5 ha đất rừng sản xuất.

4.2.2. Huyện Nho Quan

Tổng số 04 dự án, có ảnh hưởng đến diện tích đất rừng sản xuất 39,51 ha. Cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Xây dựng Đài hoá thân An Lạc - Ninh Bình - Công ty TNHH kính nổi Hạ Long - CFG có ảnh hưởng đến đất rừng sản xuất 4,74 ha.

- Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý Phế thải cao su và Plastic - Công ty TNHH kính nổi Hạ Long - CFG ảnh hưởng đến đất rừng sản xuất 27,45 ha.

- Dự án Mở rộng khuôn viên chùa Mơ - Ban kiến thiết xây dựng chùa Mơ xã Gia Sơn có ảnh hưởng đến 1,36 ha đất rừng sản xuất.

- Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông – Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I) - Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng công trình giao thông có ảnh hưởng đến đất rừng sản xuất 5,96 ha. (Tổng diện tích ảnh hưởng đến đất rừng của dự án là 6,91 ha, trong đó trên địa bàn huyện Nho Quan 5,96 ha và thành phố Tam Điệp 0,95 ha).

4.2.3. Thành phố Tam Điệp

Tổng số 03 dự án, có ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp 13,35 ha, trong đó đất rừng phòng hộ 5,19 ha, đất rừng sản xuất 8,16 ha. Cụ thể với từng dự án như sau:

- Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông – Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I) - Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng công trình giao thông có ảnh hưởng đến đất rừng sản xuất 0,95 ha (Tổng diện tích ảnh hưởng đến đất rừng của dự án là 6,91 ha, trong đó trên địa bàn huyện Nho Quan 5,96 ha và thành phố Tam Điệp 0,95 ha).

- Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông – Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II) - Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng công trình giao thông có ảnh hưởng đến đất rừng 5,98 ha, trong đó: đất rừng phòng hộ 5,19 ha và đất rừng sản xuất 0,79 ha (tổng diện tích ảnh hưởng đến đất rừng của dự án là 6,62 ha, trong đó trên địa bàn thành phố Tam Điệp 5,98 ha và huyện Yên Mô 0,64 ha); không bao gồm diện tích đã nằm ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

- Dự án Khai thác mỏ đất, đá phía đông đồi Thống Nhất (thuộc đồi Giàng) xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp - Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường có ảnh hưởng đến đất rừng sản xuất 6,42 ha.

(Chi tiết căn cứ pháp lý của từng dự án và diện tích theo nguồn gốc rừng được thể hiện trong Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

4.2.4. Huyện Yên Mô

Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông – Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II) - Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng công trình giao thông có ảnh hưởng đến đất rừng phòng hộ 0,64 ha (Tổng diện tích ảnh hưởng đến đất rừng của dự án là

6,62 ha, trong đó trên địa bàn thành phố Tam Điệp 5,98 ha và huyện Yên Mô 0,64 ha), không bao gồm diện tích đã nằm ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

4.2.5. Huyện Kim Sơn

Dự án Đê biển Bình Minh 4 giai đoạn 2, huyện Kim Sơn có ảnh hưởng đến đất rừng phòng hộ 10,62 ha.

4.3. Đề xuất điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020

4.3.1. Điều chỉnh giảm để thực hiện các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng

Điều chỉnh đưa ra ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 để thực hiện 08 dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với tổng diện tích 65,62 ha thuộc Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020. Trong đó: đất rừng đặc dụng 1,0 ha, đất rừng phòng hộ 16,45 ha và đất rừng sản xuất 48,17 ha trên địa bàn các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô, Kim Sơn và thành phố Tam Điệp. Diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng sau điều chỉnh còn 28.307,38 ha, trong đó: rừng đặc dụng 16.499 ha, rừng phòng hộ 8.743,55 ha và rừng sản xuất 3.064,83 ha. Cụ thể:

Bảng 2: Kết quả sau điều chỉnh giảm để thực hiện 08 dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng

Đơn vị: ha

TT	Huyện	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
1	Nho Quan	16.920,49	11.350,00	3.051,00	2.519,49
2	Gia Viễn	3.163,50	2.133,00	798,00	232,50
3	Hoa Lư	2.955,00	2.937,00	-	18,00
4	Yên Mô	1.681,36	-	1.670,36	11,00
5	TP. Tam Điệp	2.310,65	-	2.026,81	283,84
6	Kim Sơn	1.197,38	-	1.197,38	-
7	TP. Ninh Bình	79,00	79,00	-	-
Tổng		28.307,38	16.499,00	8.743,55	3.064,83

4.4.2. Điều chỉnh diện tích Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng

- Điều chỉnh diện tích rừng đặc dụng thuộc Vườn Quốc gia Cúc Phương từ 11.350 ha thành **11.267,52** ha (giảm 82,48 ha) theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/2/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình tổng diện tích giao cho Vườn quốc gia Cúc Phương xã Cúc Phương và xã Văn Phương, huyện Nho Quan tổng diện tích

giao là 112.675.207 m² (11.267,52 ha).

- Điều chỉnh bổ sung diện tích rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long từ 2.133,00 ha thành **2.548,37** ha (tăng 415,37 ha) diện tích được bổ sung theo Quyết định số 2538/QĐ-UB ngày 05/12/2003 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thu hồi đất, giao đất cho Ban quản lý rừng đặc dụng Hoa Lư – Vân Long tại huyện Gia Viễn và đảm bảo chỉ tiêu diện tích đất rừng đặc dụng theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

- Điều chỉnh diện tích rừng đặc dụng thuộc Khu rừng Văn hóa - Lịch sử - Môi trường Hoa Lư từ 2.937 ha thành **2.732,86** ha (giảm 204,14 ha) diện tích được cắt bỏ những phần diện tích của an ninh, quốc phòng và theo hiện trạng thực tế.

- Điều chỉnh giảm diện tích rừng đặc dụng tại xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình từ 79 ha thành **78,25** ha (giảm 0,75 ha), diện tích giảm do rà soát, đo đạc diện tích ngoài thực tế.

- Điều chỉnh tăng diện tích rừng phòng hộ tại huyện Kim Sơn từ 1.197,38 ha thành **1.441,91** ha (tăng 244,53 ha) do bổ sung diện tích để đảm bảo diện tích cho quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Khu vực từ đê Bình Minh II đến Cồn Nôi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đến năm 2040.

- Điều chỉnh giảm diện tích rừng sản xuất tại huyện Hoa Lư từ 18 ha thành **0** ha (giảm 18 ha), do diện tích nằm trong đất an ninh.

- Điều chỉnh giảm diện tích rừng sản xuất tại huyện Nho Quan (sau điều chỉnh giảm để thực hiện các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng) từ 2.519,49 ha thành **2.518,56** ha (giảm 0,93 ha) do quá trình rà soát, xác định đã có 0,93 ha đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khuân viên chùa Mơ trước năm 2022.

Diện tích Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng sau khi điều chỉnh là 28.660,98 ha, trong đó: rừng đặc dụng 16.627,00 ha, rừng phòng hộ 8.988,08 ha và rừng sản xuất 3.045,90 ha. Cụ thể:

Bảng 3: Kết quả sau điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020

Đơn vị: ha

TT	Huyện	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
1	Nho Quan	16.837,08	11.267,52	3.051,00	2.518,56
2	Gia Viễn	3.578,87	2.548,37	798	232,5
3	Hoa Lư	2.732,86	2.732,86	-	-
4	Yên Mô	1.681,36	-	1.670,36	11
5	TP. Tam Điệp	2.310,65	-	2.026,81	283,84
6	Kim Sơn	1.441,91	-	1.441,91	-
7	TP. Ninh Bình	78,25	78,25	-	-
Tổng		28.660,98	16.627,00	8.988,08	3.045,90

4.5. Giải pháp quản lý sử dụng đối với diện tích rừng sau điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020

a. Đối với diện tích điều chỉnh ra ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và công bố điều chỉnh quy hoạch được quản lý như sau:

- Diện tích điều chỉnh ra ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng khi chưa có phê duyệt, quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng thì vẫn được quản lý theo quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đề nghị chủ dự án, chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn thực hiện theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Đối với diện tích đất ngoài lâm nghiệp chuyển vào trong quy hoạch lâm nghiệp.

Đề nghị các địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục đất đai về lâm nghiệp phục vụ các công tác lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất lâm nghiệp, Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng, quản lý rừng, theo dõi diễn biến rừng... và để ổn định sản xuất kinh doanh Lâm nghiệp.

4.6. Tổ chức thực hiện

Kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 sau khi được phê duyệt, công bố là cơ sở để các cấp, các ngành và chính quyền các địa phương xây dựng, ban hành chính sách phát triển lâm nghiệp của địa phương trong thời kỳ quy hoạch nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả rừng và đất Lâm nghiệp trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Để thực hiện quy hoạch, cần tổ chức triển khai các nội dung như sau:

4.6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Công bố kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 theo hình thức phù hợp, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh quy hoạch đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất trong Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, làm cơ sở tích hợp vào Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chủ rừng tổ chức thực hiện quy hoạch, chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tham mưu thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, cho thuê môi trường rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thống nhất, đồng bộ với việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

4.6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tích hợp kết quả rà soát, điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 vào Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các dự án theo quy định.

4.6.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, cập nhật bổ sung kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đảm bảo đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thống nhất, đồng bộ với giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo thẩm quyền.

4.6.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Rà soát cập nhật, bổ sung kết quả điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đảm bảo đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trong việc rà soát chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đảm bảo phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch, bảo đảm quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng và giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân.

- Tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Tổng số 22 dự án rà soát giai đoạn từ năm 2014 đến nay, trong đó có 14 dự án đã thực hiện thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất rừng và 08 dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trong năm 2023, 2024 với tổng diện tích 65,62 ha, trong đó đất rừng đặc dụng 01 ha, rừng phòng hộ 16,45 ha và rừng sản xuất 48,17 ha.

Điều chỉnh tăng diện tích đất rừng đặc dụng 128 ha: tăng 415,37 ha tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, giảm 204,14 ha tại Khu rừng Văn hóa - Lịch sử - Môi trường Hoa Lư, giảm 82,48 ha tại Vườn Quốc gia Cúc Phương, giảm 0,75 ha tại xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình.

Điều chỉnh tăng diện tích đất rừng phòng hộ 244,53 ha tại huyện Kim Sơn.

Điều chỉnh giảm diện tích đất rừng sản xuất giảm 18,93 ha tại huyện Hoa Lư, Nho Quan.

Kết quả sau điều chỉnh, cụ thể:

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng: 28.660,98 ha.

+ Rừng phòng hộ: 8.988,08 ha.

+ Rừng đặc dụng: 16.627 ha.

+ Rừng sản xuất: 3.045,90 ha.

- Quy hoạch ngoài bảo vệ và phát triển rừng: 65,62 ha. Trong đó:

+ Rừng phòng hộ: 16,45 ha.

+ Rừng đặc dụng: 01 ha.

+ Rừng sản xuất: 48,17 ha.

Đối với diện tích 65,62 ha ngoài Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng chưa được phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng thì quản lý theo quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

II. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 là 65,62 ha diện tích đất rừng đối với 08 dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2023, 2024 khi quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia chưa được phê duyệt; tăng 128 ha đất rừng đặc dụng, tăng 255,98 ha đất rừng phòng hộ, giảm 18,93 ha đất rừng sản xuất thuộc Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 đảm bảo chỉ tiêu về rừng không

thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đối với những dự án còn lại cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng nhưng chưa cấp thiết phải thực hiện ngay tiếp tục được rà soát tích hợp trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Phụ lục 1

Căn cứ pháp lý các dự án đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng trong giai đoạn 2014 đến nay

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
1	Tam Điệp	Công ty TNHH Duyên Hà	Đầu tư công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Duyên Hà, phường Tân Bình và xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Công ty TNHH Duyên Hà. - Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty TNHH Duyên Hà thuê để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Duyên Hà, tại phường Tân Bình và xã Yên Sơn thành phố Tam Điệp. - Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty TNHH Duyên Hà thuê để làm công trình phụ trợ phục vụ khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Duyên Hà, tại phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp.
2	Tam Điệp	Công ty TNHH Xuân Tụy	Đầu tư khai thác mỏ đất tại đồi Ba Mào, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 15/2/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc cấp giấy phép khai thác và cho thuê đất để khai thác đất tại phía Tây Bắc đồi Ba Mào xã Yên Sơn- Thị xã Tam Điệp. - Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
				khác của Công ty TNHH Xuân Tụy. - Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 17/02/2020. - Giấy phép khai thác khoáng sản số 10/GP-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình. - Quyết định số 423 /QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Công ty TNHH MTV khoáng sản Vôi Việt.
3	Gia Viễn	Công ty TNHH Một thành viên khoáng sản Vôi Việt	Đầu tư khai thác mỏ đá vôi khu vực núi Sẻ Chè, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	- Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình. - Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thu hồi đất, giao đất cho Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Bình để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường ra Trạm kiểm soát biên phòng Cồn Nổi, huyện Kim Sơn.
4	Kim Sơn	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình	Đầu tư xây dựng đường ra trạm kiểm soát biên phòng Cồn Nổi, huyện Kim Sơn	- Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 01/10/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020. - Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao đất cho Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường thuê để thực hiện dự án đầu tư công trình khai thác và chế biến đất đá hỗn hợp
5	Yên Mô	Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường	Đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến đá hỗn hợp làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực núi Voi Trong, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp và Khu vực đồi Ngang, núi Béo, xã Yên Đông, huyện Yên Mô	

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
				tại khu vực núi Voi Trong, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp - Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường
6	Gia Viễn	Ban quản lý các công trình điện Miền Bắc	Đường dây điện 220kV Nho Quan - Thanh Nghị	- Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đặc dụng sang mục đích khác để thi công dự án đường dây 220KV Nho Quan - Thanh Nghị.
7	Kim Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	- Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và thu hồi đất, giao đất thực hiện Dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (đợt 2). - QĐ số 1139/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 về việc chấp thuận phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
8	Nho Quan	Trung tâm bảo tồn động	Đầu tư xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình	- Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thu hồi đất, giao đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn (đợt 1) - Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 về việc chấp thuận phương án trồng rừng thay thế khi

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
		Việt Nam		chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình. - Quyết định số 273 ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và giao đất thực hiện Dự án xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình tại xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.
9	Nho Quan	Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình.	Mỏ đá sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Quảng Lạc, huyện Nho Quan	- Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 về việc chấp thuận phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình. - Giấy phép số 3415/GP-BTNMT ngày 28/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho phép Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát Vissai khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Quảng Lạc, huyện Nho Quan.
10	Nho Quan	Công ty TNHH Thành Nam	Đầu tư xây dựng trang trại sản xuất nông nghiệp Hữu cơ Thành Nam	- Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Công ty TNHH Thành Nam NQ. - Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nho Quan.

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
				- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc cho phép Công ty TNHH Thành Nam NQ chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng trang trại sản xuất nông nghiệp Thành Nam, tại xã Thạch Bình, huyện Nho Quan.
11	Gia Viễn	Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét Gia Hòa, huyện Gia Viễn của Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình.	- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét Gia Hòa, huyện Gia Viễn của Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình.
12	Tam Điệp	UBND thành phố Tam Điệp	Cao tốc Mai Sơn - Thanh Hoá: + Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp (phân đoạn Km286+000 - Km288+460 thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình). + Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp (phân đoạn Km286+000 - Km288+460 thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình).	- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp. - Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp (phân đoạn Km286+000 - Km288+460 thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình).

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
			Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp (2022)	- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/1/2021 của UBND TP Tam Điệp về việc thu hồi đất của UBND phường Tân Bình quản lý tại tổ 7, phường Tân Bình để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Ninh Bình (Mai Sơn) - Thanh Hóa (Quốc lộ 45) đoạn qua địa bàn thành phố Tam Điệp.
13	Nho Quan	Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã nước Việt	Đầu tư xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình	- Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và giao đất thực hiện Dự án xây dựng trang trại bảo tồn gấu Ninh Bình tại xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.
14	Tam Điệp	Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	Dự án đầu tư khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp tại mỏ đá Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	- Giấy phép số 05/GP-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc cho phép Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất khai thác khoáng sản tại mỏ đất, đá đồi Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Phụ lục 2

Vị trí ảnh hưởng đến rừng và đất lâm nghiệp các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm		Vị trí			Diện tích/loại rừng						Gh chú			
		Huyện/TP	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tổng	Rừng tự nhiên		Rừng trồng		Chưa có rừng				
								RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX
		Tổng diện tích														
							65,62	0,85	5,32	0	0	2,84	4,48	0,15	8,29	43,69
							4,74						1,42			3,32
1	Xây dựng Đài hoá thân An Lạc - Ninh Bình	Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	398	1,05						0,4			0,65
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	399	1,02						1,02			
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	399a	2,67									2,67
							27,45						1,83			25,62
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	115	0,13									0,13
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	123	0,14									0,14
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	125	0,01									0,01
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	130	0,62						0,62			
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	131	0,23						0,23			
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	138	1,24									1,24
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	139	0,26									0,26
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	140	0,07									0,07
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	147	0,42									0,42
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	148	0,57									0,57
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	149	0,41									0,41
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	150	0,26									0,26
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	398	3,71									3,71
		Nho Quan	Xích Thồ	14386	2	399	2,21									2,21
2	Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý Phế thải cao su và Plastic															

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm		Vị trí			Diện tích/loại rừng										Gh chú						
		Huyện/TP	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Chưa có rừng									
								RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX							
3	Mở rộng khuôn viên chùa Mơ	Nho Quan	Xích Thổ	14386	2	400	1,29														1,29		
		Nho Quan	Xích Thổ	14386	2	399b	15,88															15,88	
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	1	0,28															0,21	
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	7	0,03															0,01	
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	5	0,48															0,26	
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	2	0,02																
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	3	0,18																
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	6	0,23																
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	7a	0,03																
		Nho Quan	Gia Sơn	14392	2	3a	0,11																
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	<i>Nho Quan</i>					6,91														2,32		
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	228	0,08															1,51	
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	229	0,22																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	230	0,13																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	282	0,27																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	283	0,63																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	284	0,25																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	285	0,11																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	286	0,36																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	287	0,43																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	325	0,01																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	326	0,17																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	327	0,24																
		Nho Quan	Phú Long	14458	6	328	0,08																0,08

STT	Tên công trình/ dự án	Địa điểm		Vị trí			Diện tích/loại rừng										Gh chú		
		Huyện/TP	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Chưa có rừng					
								RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX			
	Bình (giai đoạn II)	Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	2	28	0,14												0,14
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	3	0,07												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	4	0,1												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	8	0,05												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	9	0,21												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	10	0,57												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	12	0,01												
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	57	0,12						0,12						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	80	0,07												0,07
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	3	79a	0,03												0,03
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	4	1	0,2						0,2						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	5	0,18						0,18						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	6	0,48						0,48						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	7	0,02						0,02						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	9	0,14						0,14						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	10	0,04						0,04						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	11	0,48						0,48						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	12	2,27						2,27						
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	149	0,1												0,1
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	12a	0,06												0,06
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	12b	0,27												0,27
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	168a	0,05												0,05
		Tp. Tam Điệp	Đông Sơn	14380	5	6a	0,04						0,04						
		Yên Mô					0,64												0,18
		Yên Mô	Yên Đồng	14746	1	116	0,06												0,06
		Yên Mô	Yên Đồng	14746	3	67	0,04						0,04						

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm			Vị trí			Diện tích/loại rừng									Gh chi		
		Huyện/TP	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Chưa có rừng					
								RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX			
		Yên Mô	Yên Đồng	14746	3	67a	0,12									0,12			
		Yên Mô	Yên Mạc	14743	1	3	0,42												
							6,42												6,42
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	115	0,05												0,05
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	115a	0,02												0,02
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	118	0,1												0,1
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	119	0,06												0,06
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	120	0,3												0,3
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	121	0,16												0,16
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	122b	0,09												0,09
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	1314	0,33												0,33
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	135	0,11												0,11
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	136	0,41												0,41
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	137	0,26												0,26
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	138	0,09												0,09
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	139	0,35												0,35
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	140	0,31												0,31
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	141	0,61												0,61
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	141a	1,13												1,13
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	142	0,04												0,04
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	142b	0,14												0,14
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	154	0,18												0,18
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	155	0,22												0,22
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	156	0,13												0,13
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	157	0,56												0,56
		Tp. Tam Điệp	Quang Sơn	14377	3	167	0,12												0,12

STT	Tên công trình/ dự án	Địa điểm		Vị trí			Diện tích/loại rừng										Gh chi		
		Huyện/TP	Xã	Tiêu khu	Khoảnh	Lô	Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Chưa có rừng					
								RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX	RĐ D	RPH	RSX			
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	545a1	0,13										0,13		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	545a2	1,95										1,95		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	545b3	0,15										0,15		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	545b4	0,32										0,32		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	65	0,06										0,06		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81a	0,18						0,18						
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81b	0,05						0,05						
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81c1	0,03						0,03						
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81c2	0,31										0,31		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81d	0,63										0,63		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	81f	1,25										1,25		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99a1	0,05										0,05		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99a2	0,49										0,49		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99a3	0,01										0,01		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99a4	0,36										0,36		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99b	0,2										0,20		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99c	0,19										0,19		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	88a99d	0,29										0,29		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a	0,04										0,04		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a81a	0,03										0,03		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a81b	0,26												0,26
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a81c	0,06										0,06		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a81d	0,18										0,18		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90a81e	0,08												0,08
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90b	0,1										0,10		
		Kim Sơn	BB. Kim Sơn	14699	8	90c	0,63												0,63

Phụ lục 3

Căn cứ pháp lý các dự án cấp thiết thực hiện trong năm 2023, 2024 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
1	Nho Quan	Công ty TNHH kính nổi Hạ Long - CFG	Xây dựng Đài hoá thân An Lạc - Ninh Bình	- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18/1/2022 của HDND tỉnh Ninh Bình về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sản xuất sang mục đích khác
2	Nho Quan	Công ty TNHH kính nổi Hạ Long - CFG	Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý Phế thải cao su và Plastic	- Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nhà máy sản xuất công nghiệp và hệ thống kho bãi tại khu vực thung Súa, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan. - Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý phế thải cao su và plastic, công suất 245 tấn/ngày của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hạ Long, tại xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
3	Nho Quan	Ban kiến thiết xây dựng chùa Mơ, xã Gia Sơn	Mở rộng khuôn viên chùa Mơ	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. - Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 30/01/2023 của UBND xã Gia Sơn về việc xin chủ trương thu hồi đất, giao đất mở rộng khuôn viên Chùa Mơ.
4	Tam Điệp, Nho Quan	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I). - Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng phòng hộ và rừng trồng sản xuất sang mục đích khác.
5	Tam Điệp	Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường	Khai thác mỏ đất, đá phía đông đồi Thông Nhất (thuộc đồi Giàng) xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế để thực hiện Dự án khai thác mỏ đất, đá phía đông đồi Thông Nhất (thuộc đồi Giàng) xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp của Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường. - Nghị quyết số 33/HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng phòng hộ và rừng trồng sản xuất sang mục đích khác. - Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phòng hộ và rừng trồng sản

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
6	Gia Viễn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình	<p>xuất sang mục đích khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh Ninh Bình về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình. - Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), qua địa phận tỉnh Ninh Bình.
7	Tp. Tam Điệp và Yên Mô	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 85/UBND-VP4 ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuẩn bị đầu tư các dự án được bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023. - Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương.
8	Kim Sơn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đê biển Bình Minh 4 giai đoạn 2, huyện Kim Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3380/QĐ-BKK-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án Cùng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ. - Quyết định số 4732/QĐ-BNN-KH ngày 07/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 07/12/2022 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cùng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ. - Văn bản số 7699/BNN-ĐD ngày 25/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chủ trương đầu tư dự án thành phần số 3:

STT	Huyện	Tên đơn vị	Tên dự án	Căn cứ pháp lý
				<p>Đê biển Bình Minh IV, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thuộc dự án Công cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3020/QĐ-BNN-KH của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 27/7/2023 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án công cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ. - Văn bản số 1043/UBND-VP4 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án thành phần số 3: Đê biển Bình Minh 4, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thuộc Dự án công cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ.